

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2024/LĐ-PT

Ngày: 25-11-2024

V/v tranh chấp đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao
động và bảo hiểm xã hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Kim Anh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Ông Đỗ Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thành Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 và ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 73/2024/TLPT-LĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024, về việc: “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và bảo hiểm xã hội”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 20/2024/LĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2024, về việc: “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và bảo hiểm xã hội” của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5358/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 15860/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

- Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1982.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông **Nguyễn Đình X**, sinh năm 1973; theo Giấy ủy quyền số công chứng 007425, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 11/12/2020, lập tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ: Số B, đường P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: **Công ty TNHH MTV S**

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: ông **Nguyễn Xuân K**; chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: Số A, đường P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1982; theo Giấy ủy quyền ngày 01/5/2023, lập bởi Công ty TNHH MTV S.

Địa chỉ liên hệ: Số D đường S, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Do có kháng cáo của: nguyên đơn – bà **Nguyễn Thị Kim C**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện ghi ngày 22/7/2020 cũng như quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Đình X trình bày:***

Năm 2001, nguyên đơn và Công ty TNHH MTV S (sau đây gọi tắt là “Công ty”) ký Hợp đồng lao động không xác định thời hạn, nhưng nguyên đơn không nhớ ngày/ tháng ký Hợp đồng, chỉ nhớ cuối năm 2001. Bị đơn không giao cho nguyên đơn bản hợp đồng này. Ngày 31/12/2013 và ngày 22/4/2014, nguyên đơn ký thêm Phụ lục Hợp đồng lao động.

Ngày 02/5/2020, bị đơn thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng với nguyên đơn. Ngày 07/5/2020, bị đơn đưa đơn xin nghỉ việc yêu cầu nguyên đơn viết nhưng nguyên đơn không đồng ý.

Ngày 09/6/2020, nguyên đơn nhận được Quyết định số 29-2020-QĐ/NV-CTKY ngày 08/5/2020 với lý do chấm dứt hợp đồng từ ngày 17/6/2020 (sau đây gọi tắt là “Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động Số 29 ngày 08/5/2020”). Bị đơn chấm dứt hợp đồng không đúng pháp luật căn cứ theo các Điều 37, Điều 38, Điều 39 của Bộ luật Lao động.

Ngày 24/6/2020, tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận G (sau đây gọi tắt là “P. LĐTB&XH Q. G”) hòa giải không thành.

Ngày 21/7/2020, nguyên đơn nhận được Sổ bảo hiểm xã hội, phát hiện bị đơn không tham gia bảo hiểm xã hội 17 tháng cho nguyên đơn, gồm tháng 3/2007; các tháng 6, tháng 7, tháng 8, tháng 9/2008; các tháng 02, tháng 4, tháng 5, tháng 6/2009; các tháng 9, tháng 10, tháng 11, tháng 12/2011; các tháng 01, tháng 02, tháng 3, tháng 4/2012.

Ngoài ra bị đơn đóng thiếu tiền thâm niên từ tháng 02 đến tháng 12 năm 2017; tháng 01 đến tháng 12 năm 2018; tháng 01/2020. Bị đơn không trả tiền phụ cấp, tiền xăng, nhà trọ và tiền đất đỏ từ ngày 01/01/2015 là 427.000đồng/tháng, từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/6/2020 là 660.000đồng/tháng.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn:

- Hủy Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động Số 29 ngày 08/5/2020; nhận nguyên đơn trở lại làm việc.

- Trả tiền lương cho những ngày nguyên đơn không được làm việc từ ngày 17/6/2020 đến ngày kết thúc phiên tòa sơ thẩm, tạm tính 36 tháng x 8.606.114đồng/tháng = 309.820.104đồng.

- Đóng bảo hiểm xã hội cho những ngày nguyên đơn không được làm việc, theo mức lương 8.606.114đồng/tháng.

- Vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày x 8.606.114đồng/tháng = 12.909.171đồng. Với lý do Thông báo số 21/2020-TB-CDHĐLĐ/CTKY ngày 02/5/2020 (sau đây gọi tắt là “Thông báo Số 21”) là nguyên đơn có ký nhận, không nhớ ngày ký, nguyên đơn cho rằng thông báo này không đúng pháp luật.

- Trả tiền phụ cấp tiền xăng, nhà trọ đất đỏ:

- + Năm 2015, từ tháng 01/2015 đến tháng 12/2015: 12 tháng x 427.000đồng/tháng = 5.124.000đồng (theo Phụ lục hợp đồng đã ký ngày 22/4/2014, tiền lương cơ bản 2.890.000đồng/tháng, phụ cấp đất đỏ 310.000đồng/tháng, phụ cấp xăng, thuê nhà 350.000đồng/tháng. Bị đơn có chi trả phụ cấp 233.000đồng/tháng nên còn thiếu);

- + Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/6/2020 là 53,5 tháng x 660.000đồng/tháng = 35.310.000đồng (theo Phụ lục hợp đồng đã ký ngày 22/4/2014, tiền lương cơ bản 2.890.000đồng/tháng, phụ cấp đất đỏ 310.000đồng/tháng, phụ cấp xăng, thuê nhà 350.000đồng/tháng)

- Trả hoặc đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo mức lương hiện tại 5.179.400đồng cho 17 tháng mà bị đơn không tham gia bảo hiểm xã hội năm 2007, năm 2008, năm 2009, năm 2011, năm 2012: 17 tháng x 32% x 5.179.400đồng/tháng = 28.175.936đồng.

Bị đơn đã thu tiền các khoản bảo hiểm xã hội của nguyên đơn, 17 tháng này nguyên đơn có đi làm, có ký sổ nhận lương hàng tháng, sổ này bị đơn giữ nên nguyên đơn không có để cung cấp cho Tòa, không có tài liệu, chứng cứ thể hiện nguyên đơn

nhận lương của 17 tháng này, nguyên đơn cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh nguyên đơn có đi làm 17 tháng này.

- Bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần 02 tháng x 8.606.114đồng/tháng = 17.212.228đồng. Do nguyên đơn không đồng ý ký đơn xin thôi việc nên bị gây khó khăn trong công việc, gây sức ép rất nhiều làm nguyên đơn bị tổn thất tinh thần.

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại bản sao Giấy khai sinh của các con nguyên đơn tên Nguyễn Đình Anh T, sinh ngày 16/01/2008 và Nguyễn Quỳnh Kim N, sinh ngày 15/3/2010. Giấy khai sinh nguyên đơn giao cho bị đơn để làm chế độ thai sản và quà thiếu nhi, bị đơn không có biên giao nhận đưa cho nguyên đơn, sau khi sinh con được 01 tháng là nguyên đơn gửi bưu điện gửi vô Công ty, không nộp trực tiếp).

- Rút yêu cầu bị đơn trả lại bản sao Chứng minh nhân dân của nguyên đơn.

- Rút yêu cầu bị đơn có trách nhiệm hỗ trợ tiền trợ cấp mất việc làm 19 năm (năm 2001 đến năm 2020) mà nguyên đơn cống hiến cho bị đơn mỗi năm 01 tháng tiền lương (bình quân tính trên 12 tháng làm việc cuối từ tháng 6/2019 đến tháng 6/2020 là 8.606.114đồng) 19 năm x 8.606.114đồng = 163.516.166đồng.

****Phía bị đơn có người đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Bị đơn làm việc tại Công ty từ ngày 09/11/2001, có ký Hợp đồng lao động không xác định thời hạn vào cuối năm 2001, không nhớ ngày tháng vì bản lưu hợp đồng này không còn. Thời điểm ký Hợp đồng lao động, bị đơn có giao cho người lao động 01 bản nhưng theo quy định chung của Công ty không phải đưa cho người lao động ký nhận. Theo thông lệ Công ty là tăng lương vào thời điểm giữa năm, thường mỗi năm ký 01 lần, khi có thay đổi mức lương cơ bản vùng ... thì sẽ ký lại hợp đồng hoặc Phụ lục hợp đồng, căn cứ theo tình hình thực tế và pháp luật mỗi thời kỳ. Toàn bộ hợp đồng, giấy tờ liên quan đến người lao động trước năm 2007, Công ty không còn, lý do Công ty bị ngập nước thường xuyên nên toàn bộ đã bị hư hỏng, không có bản nào để cung cấp cho Tòa án. Từ năm 2007 trở về sau thì thông thường mỗi năm ký một đến hai Phụ lục Hợp đồng lao động. Trong quá trình làm việc tại Công ty, nguyên đơn đã ký kết các Hợp đồng lao động và Phụ lục Hợp đồng lao động sau:

- Hợp đồng lao động số 111/11-07 ngày 01/01/2007;
- Hợp đồng lao động số 111/77-07 ngày 01/7/2007;
- Phụ lục Hợp đồng lao động ngày 01/01/2008;
- Phụ lục Hợp đồng lao động ngày 01/02/2008;
- Phụ lục Hợp đồng lao động ngày 01/01/2009;

- Phụ lục Hợp đồng lao động ngày 01/01/2011;
- Phụ lục Hợp đồng lao động ngày 01/01/2012;
- Phụ lục Hợp đồng lao động ngày 18/7/2013;
- Phụ lục Hợp đồng lao động ngày 31/12/2013;
- Phụ lục Hợp đồng lao động ngày 22/4/2014;
- Phụ lục Hợp đồng lao động ngày 31/12/2014;
- Phụ lục Hợp đồng lao động ngày 01/01/2016;
- Phụ lục Hợp đồng lao động ngày 31/12/2016;
- Phụ lục Hợp đồng lao động ngày 29/12/2017.

Các Phụ lục Hợp đồng lao động ngày 30/5/2019, ngày 31/01/2020, ngày 26/5/2020, nguyên đơn không ký nhưng bị đơn vẫn chi lương theo các phụ lục này.

Trong Phụ lục Hợp đồng lao động ngày 22/4/2014 và ngày 31/12/2013 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn, ngoài mức lương cơ bản mà người lao động được nhận, Phụ lục hợp đồng còn quy định một “khoản phụ cấp đất đỏ”, khoản phụ cấp đất đỏ này được hiểu là khoản tiền bị đơn phụ cấp thêm cho người lao động khi thị trường trượt giá, phụ cấp ăn uống, hỗ trợ tiền điện thoại...

Do dịch bệnh COVID-19 kéo dài đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình sản xuất kinh doanh. Bị đơn đã cố gắng bố trí công việc cho người lao động, để kéo dài và duy trì hoạt động. Tuy nhiên, bị đơn buộc phải tiến hành cắt giảm hơn 50% số lao động dù đã áp dụng nhiều biện pháp khắc phục.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/9/2019, từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/9/2020.

Email từ đối tác lâu năm của Công ty về việc trì hoãn việc thanh toán tiền hàng; thông báo đã hoàn thành thủ tục phá sản (bản tiếng Đ và bản dịch); Quyết định không đóng bảo hiểm xã hội cho công nhân viên nộp đơn xin tạm hoãn thực hiện Hợp đồng lao động ngày 10/4/2020 (danh sách đính kèm).

Ngày 16/4/2020, bị đơn đã tiến hành bàn bạc với đại diện Ban chấp hành Công đoàn cơ sở và đại diện công nhân để thống nhất thỏa thuận tăng 100.000đồng tiền phụ cấp cho toàn thể công nhân viên còn làm việc và giảm biên chế một số công nhân viên theo hình thức chấm dứt Hợp đồng lao động.

Ngày 28/4/2020, do không đủ việc cho tất cả công nhân viên, bị đơn đã cố gắng tìm mọi biện pháp khắc phục, đã tiến hành bàn bạc với đại diện Ban chấp hành Công đoàn cơ sở và các đại diện công nhân đi đến thống nhất thỏa thuận phương án

cho một số công nhân viên nghỉ theo chế độ tạm hoãn thực hiện Hợp đồng lao động từ ngày 01/5/2020 đến ngày 31/5/2020, bị đơn hỗ trợ 2.000.000đồng/người.

Ngày 02/5/2020, bị đơn đã bàn bạc với đại diện Ban chấp hành Công đoàn cơ sở và đại diện công nhân để thống nhất thỏa thuận về việc chấm dứt Hợp đồng lao động của công nhân viên do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh COVID-19, buộc bị đơn phải thu hẹp kinh doanh, sản xuất, mặc dù đã tìm mọi biện pháp khắc phục. Công nhân viên thuộc trường hợp chấm dứt Hợp đồng lao động được nghỉ ở nhà không phải đến Công ty làm việc và được hưởng 70% lương vì bị đơn không có việc để làm.

Ngày 04/5/2020, các đối tác lớn thông báo ngừng đặt hàng trong vài tháng. Do không bán được hàng, bị đơn ra Thông báo về việc bố trí lại lịch làm việc trong tháng 5/2020, các tổ đi làm và chấm công 04 ngày/tuần, bắt đầu từ ngày 04/5/2020.

Ngày 06/5/2020, bị đơn ban hành Quyết định số 28/2020-QĐ/CTKY về việc tạm hoãn thực hiện Hợp đồng lao động đối với một số công nhân viên từ ngày 01/5/2020 đến ngày 31/5/2020 (có danh sách đính kèm quyết định). Ngày 25/5/2020, bị đơn ban hành Quyết định 90/2020-QĐ/CTKY về việc chấm dứt Hợp đồng lao động được hưởng 70% lương đối với một số công nhân viên, không đóng bảo hiểm xã hội (có danh sách đính kèm).

Ngày 02/6/2020, bị đơn cùng bàn bạc với đại diện Ban chấp hành Công đoàn cơ sở và đại diện công nhân để thống nhất thỏa thuận trả 70% lương cơ bản cho công nhân những ngày nghỉ ở nhà, do bị đơn không có đủ việc làm và bố trí lịch làm việc cho một số tổ (đi làm 03, 04 hoặc 05 ngày một tuần).

Bị đơn chấm dứt Hợp đồng lao động với nguyên đơn vì lý do bất khả kháng (dịch bệnh COVID-19), nhiều khách hàng lớn của bị đơn thông báo ngừng đặt hàng, không có đủ việc cho công nhân làm, tiền hàng trước đó bị trì hoãn sang tháng 08/2020 mới được thanh toán, một số đối tác lâu năm đã hoàn thành thủ tục phá sản, bị đơn phải cắt giảm 50% lao động. Mặc dù tình hình kinh tế khó khăn, người lao động không phải đến làm việc trong thời hạn báo trước 45 ngày, bị đơn vẫn trả 70% lương cho người lao động. Ngày 02/5/2020, bị đơn ra Thông báo Số 21 về việc chấm dứt hợp đồng với nguyên đơn từ ngày 16/6/2020. Ngày 08/5/2020, bị đơn ban hành Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động Số 29 đối với nguyên đơn kể từ ngày 17/06/2020 (đảm bảo thời hạn báo trước 45 ngày).

Từ năm 2013, bị đơn chi lương qua tài khoản ngân hàng, có thư điện tử báo số tiền trước khi chuyển khoản, bị đơn không có bản giấy ký nhận lương trong thời gian này. Trước năm 2013, bị đơn chỉ cung cấp được bảng ký nhận lương một số tháng đã nộp cho Tòa án, còn lại đã hư hỏng không còn để cung cấp.

Về phần trợ cấp mất việc: nguyên đơn đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01/2009 đến tháng 6/2020; bị đơn đã chi trả tiền trợ cấp thôi việc cho nguyên đơn từ tháng 11/2001 đến tháng 12/2008 là 7,5 năm, mỗi năm theo quy định pháp luật là 0,5 tháng lương, ngày 16/6/2020, bị đơn đã chuyển khoản số tiền này cho nguyên đơn là 17.735.250 đồng. Đây là trợ cấp thôi việc, không phải tiền thâm niên (từ tháng 02/2008 trở về trước Công ty không có quy định trợ cấp thâm niên).

Đối với yêu cầu trả tiền phụ cấp tiền xăng, nhà trọ, đất đỏ:

+ Từ tháng 01/2015 đến tháng 12/2015: $12 \text{ tháng} \times 427.000 \text{ đồng/tháng} = 5.124.000 \text{ đồng}$. Bị đơn không đồng ý (theo Phụ lục hợp đồng đã ký ngày 22/4/2014, tiền lương cơ bản 2.890.000 đồng/tháng, phụ cấp đất đỏ 310.000 đồng/tháng, phụ cấp xăng, thuê nhà 350.000 đồng/tháng, chỉ áp dụng đến 31/12/2014, sau đó bị đơn có ký Phụ lục Hợp đồng lao động với nguyên đơn ngày 31/12/2014 được áp dụng từ ngày 01/01/2015 quy định tiền lương cơ bản tăng lên 3.317.000 đồng/tháng, phụ cấp xăng xe 233.000 đồng/tháng, không có các khoản phụ cấp khác);

+ Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/6/2020 là $53,5 \text{ tháng} \times 660.000 \text{ đồng} = 35.310.000 \text{ đồng}$, bị đơn không đồng ý (theo Hợp đồng lao động số 35/T1-16 ngày 01/01/2016 tiền lương cơ bản 3.745.000 đồng/tháng, phụ cấp thâm niên 25.000 đồng/năm, thực tế bị đơn chi trả 25.000 đồng/tháng, các khoản phụ cấp khác không có).

+ Từ ngày 31/12/2016, nguyên đơn và bị đơn ký Phụ lục hợp đồng áp dụng từ 01/01/2017, lương cơ bản là 4.012.500 đồng, không có phụ cấp, không có thâm niên nhưng trên thực tế để hỗ trợ công nhân, bị đơn vẫn chi trả tiền thâm niên.

+ Từ ngày 29/12/2017, nguyên đơn và bị đơn ký Phụ lục hợp đồng áp dụng từ 01/01/2018 lương cơ bản tăng là 4.258.600 đồng, không có phụ cấp, không có thâm niên nhưng trên thực tế để hỗ trợ công nhân, bị đơn vẫn chi trả tiền thâm niên.

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả hoặc đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo mức lương 5.179.400 đồng cho 17 tháng mà bị đơn không tham gia bảo hiểm xã hội của năm 2007, năm 2008, năm 2009, năm 2011, năm 2012: bị đơn không đồng ý. Vì ngày 17/5/2017, do thay đổi mẫu sổ bảo hiểm xã hội nên cơ quan Bảo hiểm xã hội quận G có yêu cầu bị đơn chuyển đến từng công nhân phiếu đối chiếu quá trình đóng bảo hiểm xã hội trong đó có nguyên đơn, đối chiếu từ tháng 01/2001 đến tháng 02/2017, nguyên đơn đã ký xác nhận vào phiếu và không có ý kiến, khiếu nại. Thực tế những tháng bị đơn không đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn là do nguyên đơn không đi làm và xin nghỉ không lương. Tháng 9/2011 đến tháng 4/2012, có đơn xin nghỉ của nguyên đơn, theo Kết luận giám định của Bộ C2 xác định đúng chữ ký của nguyên đơn.

- Bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần 02 tháng lương x 8.606.114đồng = 17.212.228đồng và trả tiền lương cho những ngày nguyên đơn không được làm việc do theo đuổi vụ kiện từ ngày 17/6/2020 đến ngày kết thúc phiên tòa sơ thẩm; bị đơn không đồng ý vì Công ty đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động đúng pháp luật.

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại bản sao giấy khai sinh 02 người con của nguyên đơn, khi làm thủ tục thai sản, bị đơn đã nộp cho cơ quan Bảo hiểm xã hội quận G, không còn giữ nên không có để trả lại cho nguyên đơn.

Nguyên đơn trình bày cuối tháng 6/2020 do người lao động có ý kiến đến bị đơn thì bị đơn mới chịu trả 70% lương đối với người lao động nghỉ ở nhà là không đúng. Vì theo Quyết định số 90/2020-QĐ/CTKY ngày 25/5/2020 đối với người lao động nghỉ ở nhà và hưởng 70% lương sẽ được thanh toán vào kỳ lương tháng 5 và tháng 6 năm 2020.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 20/2024/LĐ-ST ngày 25 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

Căn cứ vào: Điều 5; điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 93; Điều 94; khoản 6 Điều 95; Điều 102; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 36; Điều 38; Điều 47; Điều 90 và Điều 202 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 113 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Luật thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn:

- Hủy Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động Số 29 ngày 08/5/2020.

- Phải nhận nguyên đơn trở lại làm việc.

- Trả tiền lương cho những ngày nguyên đơn không được làm việc từ ngày 17/6/2020 đến ngày 18/7/2024, tính tròn 49 tháng x 8.606.114đồng = 421.699.586đồng.

- Đóng bảo hiểm xã hội cho những ngày nguyên đơn không được làm việc từ ngày 17/6/2020 đến ngày 18/7/2024 theo mức lương 8.606.114đồng/tháng.

- Trả lương 45 ngày không báo trước: 45 ngày x 8.606.114đồng = 12.909.171đồng.

- Bồi thường 02 tháng lương x 8.606.114đồng = 17.212.228đồng.

- Phải trả phụ cấp xăng xe, nhà trọ, đất đỏ:

+ Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015: 12 tháng x 427.000đồng/tháng = 5.124.000đồng.

+ Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/6/2020: 53,5 tháng x 660.000đồng/tháng = 35.310.000đồng.

- Trả cho nguyên đơn bản sao Giấy khai sinh tên Nguyễn Đình Anh T, sinh ngày 16/01/2008 và Nguyễn Quỳnh Kim N, sinh ngày 15/3/2010.

2/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả hoặc đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp mà bị đơn không tham gia bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn 17 tháng gồm tháng 3/2007; các tháng 6, tháng 7, tháng 8, tháng 9/2008; các tháng 02, tháng 4, tháng 5, tháng 6/2009; các tháng 9, tháng 10, tháng 11, tháng 12/2011; các tháng 01, 02, tháng 3, tháng 4/2012; theo mức lương 5.179.400đồng/tháng là 28.175.936đồng.

3/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm hỗ trợ tiền trợ cấp mất việc làm 19 năm từ năm 2001 đến năm 2020 là 163.516.166đồng.

4/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại nguyên đơn bản sao chứng minh nhân dân của nguyên đơn.

Ngoài ra, bản án lao động sơ thẩm còn tuyên về án phí lao động sơ thẩm, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm, đề nghị tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

****Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Nguyên đơn yêu cầu hoãn phiên tòa với lý do chưa giải quyết khiếu nại bằng văn bản do chưa cho đương sự tiếp cận hồ sơ. Đồng thời, có yêu cầu chuyển hồ sơ qua Cơ quan Cảnh sát điều tra với lý do bị đơn làm giả hồ sơ để chiếm đoạt tài sản của nguyên đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền cùng xác định vào ngày 31/10/2024 đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho tiếp cận hồ sơ để sao chụp và ghi chép tài liệu, nhưng nguyên đơn không đồng ý ghi chép Biên bản phiên tòa và Biên bản nghị án. Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện cách

thức thu mẫu chữ ký của nguyên đơn trên Tờ A4 để giám định là không đúng quy định, nhưng không nêu được căn cứ.

Ngoài ra, nguyên đơn đề nghị nếu xét xử thì Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm hoặc hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm do Công ty đơn phương đúng quy định pháp luật. Hai bên đương sự không tự thỏa thuận với nhau giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định pháp luật.

****Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:***

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu xin hoãn phiên tòa của nguyên đơn với lý do chưa được sao chụp hồ sơ là Biên bản phiên tòa và biên bản nghị án của Tòa án cấp sơ thẩm, trong khi ngày 31/11/2024 đã được tiếp cận toàn bộ hồ sơ là không có cơ sở để chấp nhận. Đối với yêu cầu chuyển hồ sơ qua Cơ quan Cảnh sát điều tra với lý do tài liệu là tờ giấy A4 có chữ ký của nguyên đơn không gửi qua cơ quan giám định làm cho Kết luận Giám định không chính xác, nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Đề nghị không chấp nhận hoãn phiên tòa của nguyên đơn.

Về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: đơn kháng cáo của nguyên đơn được làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn không phải đóng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[2] Về yêu cầu hoãn phiên tòa của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu chuyển hồ sơ qua Cơ quan Cảnh sát điều tra điều tra với lý do bị đơn làm giả hồ sơ để chiếm đoạt tài sản. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xác định chữ viết và chữ ký tại bút lục số 445 (trên tờ giấy A4, có đóng dấu hình chữ nhật màu đỏ ghi nội dung: phân viện KHHS số 1278 năm 2022. TLMSS:M9) là do nguyên đơn ký và viết, nhưng cho rằng thẩm phán cấp sơ thẩm không giao cho cơ quan giám định, làm cho Kết luận giám định không đúng. Nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh. Không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu chưa được tiếp cận hồ sơ là Biên bản phiên tòa sơ thẩm và biên bản nghị án của Tòa án cấp sơ thẩm, trong khi ngày 31/11/2024 nguyên đơn đã được tiếp cận toàn bộ hồ sơ là phù hợp quy định pháp luật.

[2.3] Từ những căn cứ nêu trên, yêu cầu hoãn phiên tòa của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung:

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hủy Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động Số 29 ngày 08/5/2020 của bị đơn và giải quyết hậu quả của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

[3.1] Căn cứ thực tiễn năm 2020 trong bối cảnh bùng phát dịch bệnh COVID-19, từ ngày 23/01/2020 thời điểm xác định trường hợp đầu tiên mắc bệnh, Quyết định số 447/QĐ-TTg ngày 01/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc công bố dịch bệnh COVID-19, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 27/3/2020 và Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 thực hiện cách ly toàn xã hội 15 ngày từ 00 giờ ngày 01/4/2020.

[3.2] Ngày 10/4/2020, bị đơn ban hành Quyết định số 23/2020-QĐ/CTKY về việc không đóng bảo hiểm xã hội cho công nhân viên nộp đơn xin tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, sau khi thỏa thuận với công nhân về việc tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động. Ngày 16/4/2020, bị đơn thực hiện thỏa thuận với đại diện công nhân và Ban chấp hành Công đoàn cơ sở về việc tăng lương cho công nhân viên đang làm và giảm biên chế một số công nhân viên. Ngày 28/4/2020, bị đơn tiếp tục tiến hành thỏa thuận với đại diện công nhân và Ban chấp hành Công đoàn cơ sở về việc tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động một số công nhân viên từ ngày 01/5/2020 đến ngày 31/5/2020 và hỗ trợ 2.000.000đồng/người.

[3.3] Ngày 02/5/2020, bị đơn cùng với đại diện Ban chấp hành Công đoàn cơ sở và đại diện công nhân tiến hành thỏa thuận về việc chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty sẽ giao thông báo chấm dứt hợp đồng lao động cho các công nhân viên, gửi qua thư điện tử hoặc nhờ các tổ trưởng thông báo hộ trước 45 ngày. Sau khi nhận

được thông báo thì công nhân viên nghỉ ở nhà, không phải đi làm việc và được hưởng 70% lương vì Công ty hiện không có đủ việc làm.

[3.4] Ngày 04/5/2020, bị đơn thông báo lịch làm việc tháng 5/2020, bố trí các tổ đi làm 04 ngày/tuần bắt đầu từ ngày 04/5/2020 do công việc rất ít. Ngày 06/5/2020, bị đơn ban hành Quyết định số 28/2020-QĐ/CTKY về việc tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động từ ngày 01/5/2020 đến ngày 31/5/2020 (danh sách đính kèm 08 người lao động). Ngày 25/5/2020, bị đơn ban hành Quyết định số 90/2020-QĐ/CTKY về việc chấm dứt hợp đồng lao động, được nghỉ ở nhà và hưởng 70% lương không phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (được thanh toán vào kỳ lương tháng 5 và tháng 6/2020), danh sách đính kèm 12 người lao động.

[3.5] Căn cứ Biên bản thỏa thuận ngày 02/6/2020 với đại diện Ban chấp hành Công đoàn cơ sở và đại diện công nhân về việc trả 70% lương cơ bản cho công nhân viên những ngày nghỉ ở nhà do Công ty không có đủ việc làm, tháng 5/2020 Công ty đã bố trí cho một số tổ đi làm 03, 04 hoặc 05 ngày một tuần.

[3.6] Ngày 02/5/2020, Công ty B Thông báo Số 21 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn kể từ ngày 16/6/2020. Thông báo này chỉ đóng dấu treo của Công ty, do bà Nguyễn Thị Thiên N1 ký tên, căn cứ Giấy ủy quyền ngày 29/4/2020 của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn thừa nhận được Công ty giao thông báo ngày 02/5/2020 nhưng không đồng ý nhận. Đủ cơ sở xác định bị đơn đã thông báo trước 45 ngày theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Lao động năm 2012.

[3.7] Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp quy định tại điểm c khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 38 Bộ luật Lao động năm 2012. Đồng thời, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn giải quyết hậu quả của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động quy định tại Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2012.

[4] Xét yêu cầu buộc bị đơn trả tiền phụ cấp tiền xăng xe, nhà trọ, phụ cấp đất đỏ.

[4.1] Căn cứ Kết luận Giám định số 1278/KL-KTHS ngày 05/5/2022 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ C2, kết luận: “1. Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Kim C trên các tài liệu ký hiệu từ A2 đến A6; chữ viết họ tên “Nguyễn Thị Kim C” trên các tài liệu ký hiệu A2, A3, A5, A6 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Kim C trên tài liệu ký hiệu từ M1 đến M9 là do cùng một người ký, viết ra. 2. Chữ viết họ tên “Nguyễn Thị Kim C” trên tài liệu ký hiệu A1 so với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Kim C trên tài liệu ký hiệu từ M1 đến M9 là không phải do

cùng một người viết ra. 3. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Kim C tài liệu ký hiệu A1 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Kim C trên tài liệu ký hiệu từ M1 đến M9 là có phải do cùng một người ký ra hay không.” Nguyên đơn thừa nhận chữ ký, chữ viết mẫu của nguyên đơn (được thực hiện trực tiếp tại phiên tòa phúc thẩm) trên tờ giấy A4, nhưng không đúng thể thức văn bản, dẫn đến Kết luận Giám định là sai, ngoài ra không đưa ra được chứng cứ chứng minh nào khác. Không có đơn khiếu nại đến cơ quan giám định về Kết luận Giám định nêu trên. Việc thu tiền tạm ứng giám định sau đó được trả lại theo quy định pháp luật, không có căn cứ làm ảnh hưởng đến Kết luận Giám định hay ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, ý kiến của nguyên đơn cho rằng Kết luận Giám định sai là không có cơ sở để chấp nhận.

[4.2] Căn cứ Phụ lục hợp đồng lao động ngày 31/12/2014 (ký hiệu A2) áp dụng từ ngày 01/01/2015 có thỏa thuận phụ cấp xăng xe 233.000 đồng/tháng, không có thỏa thuận khoản phụ cấp nào khác. Nguyên đơn xác nhận đã nhận đủ phụ cấp 233.000đồng/tháng. Căn cứ kết luận giám định nêu trên, nguyên đơn nêu không ký vào Phụ lục này nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh. Do đó, yêu cầu bị đơn phải trả phụ cấp còn thiếu là 427.000đồng/tháng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 là 12 tháng x 427.000đồng/tháng là không có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Xét yêu cầu đòi các khoản phụ cấp còn thiếu từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/6/2020. Căn cứ Hợp đồng lao động số 35/T1-16 ngày 01/01/2016 (ký hiệu A6) thỏa thuận tiền lương cơ bản 3.745.000đồng/tháng; phụ cấp thâm niên 25.000đồng/năm, thực tế Công ty chi 25.000đồng/tháng; các khoản phụ cấp khác không có. Căn cứ Phụ lục hợp đồng lao động ngày 31/12/2016 (ký hiệu A3) áp dụng từ ngày 01/01/2017 và Phụ lục hợp đồng lao động ngày 29/12/2017 (ký hiệu A4) áp dụng từ ngày 01/01/2018 đều không có thỏa thuận khoản phụ cấp. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về phần này.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả hoặc đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp 17 tháng mà Công ty không tham gia bảo hiểm xã hội gồm tháng 3/2007; các tháng 6, tháng 7, tháng 8, tháng 9/2008; các tháng 02, tháng 4, tháng 5, tháng 6/2009; các tháng 9, tháng 10, tháng 11, tháng 12/2011; các tháng 01, tháng 02, tháng 3, tháng 4/2012; theo mức lương 5.179.400đồng/tháng là 17 tháng x 32% x 5.179.400đồng/tháng = 28.175.936đồng. Bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy: nguyên đơn nêu ngày 21/7/2020 mới nhận được Sổ bảo hiểm xã hội làm cơ sở xác định chưa hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, căn cứ Phiếu đối chiếu quá trình đóng bảo hiểm xã hội ngày 17/5/2017 của Cơ quan Bảo hiểm xã hội quận G về quá trình đóng bảo

hiểm xã hội từ tháng 11/2001 đến tháng 02/2017 nguyên đơn ký tên và ghi họ tên. Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn nêu không ký nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Cần xác định, từ ngày 17/5/2017 nguyên đơn đã biết thông tin của quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội của mình từ năm 2001 đến tháng 02/2017. Do đó, đến ngày 22/7/2020 nguyên đơn khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện 01 năm theo quy định tại khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện phần này do có yêu cầu xem xét về thời hiệu của bị đơn là có cơ sở. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về phần này.

[6] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại bản sao giấy khai sinh tên Nguyễn Đình Anh T, sinh ngày 16/01/2008 và Nguyễn Quỳnh Kim N, sinh ngày 15/3/2010. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ việc nguyên đơn thừa nhận nộp cho Công ty bản sao Giấy khai sinh của hai con để làm thủ tục hưởng trợ cấp thai sản và Công ty đã nộp cho cơ quan Bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, bản sao Giấy khai sinh không phải là đối tượng Tòa án thụ lý giải quyết, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về phần này.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo cần giữ nguyên.

[8] Án phí lao động nguyên đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim C về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV S:

- Hủy Quyết định về việc cho thôi việc số 29-2020-QĐ/NV-CTKY ngày 08/5/2020.

- Phải nhận bà Nguyễn Thị Kim C trở lại làm việc.

- Trả tiền lương cho những ngày bà Nguyễn Thị Kim C không được làm việc từ ngày 17/6/2020 đến ngày 18/7/2024, tính tròn 49 tháng x 8.606.114đồng/tháng = 421.699.586đồng.

- Đóng bảo hiểm xã hội cho những ngày bà Nguyễn Thị Kim C không được làm việc từ ngày 17/6/2020 đến ngày 18/7/2024 theo mức lương 8.606.114đồng/tháng.

- Trả lương 45 ngày không báo trước: $45 \text{ ngày} \times 8.606.114\text{đồng/tháng} = 12.909.171\text{đồng}$.

- Bồi thường 02 tháng lương $\times 8.606.114\text{đồng/tháng} = 17.212.228\text{đồng}$.

- Phải trả phụ cấp xăng xe, nhà trọ, đất đỏ:

+ Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015: $12 \text{ tháng} \times 427.000 \text{ đồng/tháng} = 5.124.000\text{đồng}$.

+ Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/6/2020: $53,5 \text{ tháng} \times 660.000\text{đồng/tháng} = 35.310.000\text{đồng}$.

- Trả cho bà Nguyễn Thị Kim C bảo sao Giấy khai sinh tên Nguyễn Đình Anh T, sinh ngày 16/01/2008 và Nguyễn Quỳnh Kim N, sinh ngày 15/3/2010.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu Công ty TNHH MTV S trả hoặc đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp mà Công ty không tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Kim C 17 tháng gồm tháng 3/2007; các tháng 6, tháng 7, tháng 8, tháng 9/2008; các tháng 02, tháng 4, tháng 5, tháng 6/2009; các tháng 9, tháng 10, tháng 11, tháng 12/2011; các tháng 01, tháng 02, tháng 3, tháng 4/2012; theo mức lương 5.179.400đồng/tháng là 28.175.936đồng.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu Công ty TNHH MTV S có trách nhiệm hỗ trợ tiền trợ cấp mất việc làm 19 năm từ năm 2001 đến năm 2020 là 163.516.166đồng.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của của bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu Công ty TNHH MTV S trả lại bà Nguyễn Thị Kim C bản sao chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Kim C.

5. Về án phí: bà Nguyễn Thị Kim C được miễn nộp án phí. Công ty TNHH MTV S không phải chịu án phí.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Q. Gò Vấp;
- VKSND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu: VT, HSVA.

Châu Kim Anh



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**